

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2021
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: **Phạm Văn Khuyến**
Ông Tạ Văn Khách

-Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Văn Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 104/2021/TLST - HNGĐ ngày 16/4/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST giữ các đương sự.

*** Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1988. Vắng mặt

*** Bị đơn:** Ông **Triệu Quang L**, sinh năm 1986. Vắng mặt
Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông L xây dựng gia đình với nhau vào tháng 12/2006 trên cơ sở tự nguyện sau khi có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 năm. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Phước Long (nay là huyện Phú Riềng).

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông L ham chơi, hay nhậu nhẹt, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Bà H đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông L chỉ thay đổi được vài ngày rồi lại tiếp tục uống

rượu và đánh đập bà, nhiều lần ông L còn cầm dao đuổi đánh bà. Từ nguyên nhân này dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Trước đây ông L còn đưa tiền cho bà quản lý, chi tiêu sinh hoạt gia đình và nuôi con nhưng từ 05 năm trở lại đây từ khi có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, ông L không đưa tiền cho bà trang trải cuộc sống gia đình nữa mà tiền ai làm người đó giữ. Ông L chỉ đưa thêm tiền mua thức ăn cho con còn các chi phí khác trong gia đình bà phải lo hết.

Cuộc sống vợ chồng càng ngày càng căng thẳng, ông L đi chơi nhiều hơn, say xỉn và đánh đập bà nhiều hơn. Vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không nói chuyện với nhau, ăn riêng, ngủ riêng, không có sự quan tâm giành cho nhau.

Mâu thuẫn vợ chồng bà đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, tình cảm bà giành cho ông L không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 02 con chung là Triệu Quang T – sinh năm 2007 và Triệu Thảo V – sinh năm 2013.

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho ông L nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Quang L có bản tự khai như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L Hà năm 2006. Quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng hay cãi vã nhau do tính cách không hợp nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Triệu Quang T – sinh năm 2007 và Triệu Thảo V – sinh năm 2013.

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông đề nghị nuôi dưỡng con chung Triệu Quang T, bà H nuôi dưỡng con chung Triệu Thảo V. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị đề ngày 13/7/2021, bà H đề nghị HĐXX nếu giải quyết cho bà và ông L ly hôn, bà đề nghị được nuôi dưỡng con chung Triệu Thảo V, ông L nuôi dưỡng con chung Triệu Quang T.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Lê Thị H được ly hôn với bị đơn ông

Triệu Quang L. Giao con chung Triệu Thảo V cho bà H nuôi dưỡng, giao con chung Triệu Quang T cho ông L nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con với bên nào.

Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn và Lê Thị H làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Triệu Quang L theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông Triệu Quang L có nơi cư trú tại thôn 8, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng.

Mặc dù bà H và ông L đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng ông L không đến Tòa án tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành được phiên phiên hòa giải theo quy định pháp luật. Ông L vắng mặt tại phiên tòa 02 lần mặc dù được triệu tập hợp lệ, bà H có đơn xin xét xử vụ án vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo thủ tục chung.

2. Về nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị H và ông Triệu Quang L tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L Hà, huyện Phước Long (nay là huyện Phú Riềng) ngày 18/12/2006. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà H và ông L đều có lời khai xác định cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng thường hay cãi vã nhau và cùng đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của đương sự, xử cho bà H, ông L được ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật và ý chí, nguyện vọng của đương sự.

[2]. *Về con chung*: Có 02 con chung là Triệu Quang T – sinh năm 2007 và Triệu Thảo V – sinh năm 2013.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H có nguyện vọng muốn trực tiếp nuôi dưỡng con chung Triệu Thảo V, ông T có nguyện vọng muốn trực tiếp nuôi dưỡng con chung Triệu Quang T. Xét thấy quan điểm về con chung của bà H, ông L phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cháu V nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự đều có quan điểm tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Triệu Quang L.

2/ *Về con chung*: Giao con chung là Triệu Thảo V – sinh ngày 01/01/2013 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi; Giao con chung Triệu Quang T – sinh ngày 01/7/2007 cho ông Triệu Quang L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà H và ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012191 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Bà H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- UBND xã L Hà, huyện PR;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hải